



## TRỞ LẠI TƯƠNG LAI: SỰ BẤT ỔN TẠI CHÂU ÂU SAU CHIẾN TRANH LẠNH (PHẦN 2)

**Nguồn:** John J. Mearsheimer (1990). "Back to the Future: Instability in Europe after the Cold War", *International Security*, Vol. 15, No. 1. (Summer), pp. 5-56.

**Biên dịch:** Mạch Nguyễn Phương Uyên | **Hiệu đính:** Ngô Thị Thu Hương

### Dự đoán tương lai: Sự Balkan hóa Châu Âu?

Trật tự mới nào sẽ nổi lên ở Châu Âu nếu Liên Xô và Mỹ rút về nước và Chiến tranh Lạnh kết thúc? Nó sẽ có những đặc điểm nào? Và nó sẽ nguy hiểm ra sao?

Chắc chắn là trật tự hai cực sẽ biến mất và hệ thống đa cực sẽ nổi lên trong trật tự mới tại Châu Âu. Hai khía cạnh khác của trật tự mới – sự phân chia quyền lực giữa các nước lớn và sự phân bổ vũ khí hạt nhân giữa họ - không được xác định trước, và một số dàn xếp có thể xảy ra. Có sự khác biệt rõ rệt trong tính ổn định của những dàn xếp này. Phần này sẽ xem xét phạm vi những mối nguy hiểm mà mỗi dàn xếp sẽ mang lại và khả năng chúng trở thành hiện thực.

Những mô hình phân bổ và triển khai vũ khí hạt nhân trong một Châu Âu mới là yếu tố ít chắc chắn nhất, nhưng có lẽ là quan trọng nhất, trong trật tự mới. Theo đó, phần này sẽ tiếp tục tìm hiểu đặc điểm của bốn thế giới hạt nhân chính có thể xuất hiện: một Châu Âu không có vũ khí hạt nhân, sự tiếp tục những mô hình hiện tại trong việc sở hữu vũ khí hạt nhân, và sự phổ biến vũ khí hạt nhân ở cả hai khía cạnh được kiểm soát hiệu quả và không được kiểm soát hiệu quả.

Trật tự mới tốt nhất sẽ bao gồm sự phổ biến vũ khí hạt nhân hạn chế và trong tầm kiểm soát. Điều này sẽ nguy hiểm hơn trật tự hiện tại, nhưng an toàn hơn nhiều so với giai đoạn 1900 – 1945. Trật tự tệ nhất sẽ là một Châu Âu không

vũ khí hạt nhân mà ở đó, sự mất cân bằng quyền lực sẽ xuất hiện giữa những cực quyền lực chính. Trật tự này sẽ nguy hiểm hơn thế giới hiện tại, và có lẽ sẽ nguy hiểm gần như thế giới trước năm 1945. Sự tiếp nối mô hình hiện tại, hay sự phổ biến vũ khí hạt nhân không được kiểm soát, sẽ tồi tệ hơn thế giới ngày nay, nhưng an toàn hơn thế giới trước 1945.

### ***Một Châu Âu phi hạt nhân***

Một số người Châu Âu và Mỹ tìm cách loại bỏ vũ khí hạt nhân khỏi Châu Âu và thay thế trật tự Chiến tranh Lạnh bằng một trật tự hoàn toàn phi hạt nhân. Việc xây dựng một Châu Âu không có vũ khí hạt nhân sẽ đòi hỏi Anh, Pháp và Liên Xô phải tự mình loại bỏ vũ khí hạt nhân. Những người ủng hộ quan điểm này tin rằng một Châu Âu không có vũ khí hạt nhân sẽ là trật tự hòa bình nhất có thể xảy ra; tuy nhiên trên thực tế, một Châu Âu phi hạt nhân sẽ là điều nguy hiểm nhất trong số những trật tự hậu Chiến tranh Lạnh có khả năng xảy ra. Những hiệu ứng ổn định của vũ khí hạt nhân – an ninh mà chúng mang lại, sự cẩn trọng mà chúng tạo, sự cân bằng tương đối mà chúng áp đặt, và tính rõ ràng của sức mạnh tương đối do chúng tạo ra – sẽ không còn nữa. Hòa bình sẽ tùy thuộc vào những khía cạnh khác của trật tự mới – số lượng các cực và sự phân bổ quyền lực giữa chúng. Tuy nhiên, trật tự mới chắc chắn sẽ là trật tự đa cực, và có lẽ là không cân bằng; do vậy hệ thống này rất có xu hướng thiên về bạo lực. Cơ cấu quyền lực ở Châu Âu sẽ rất giống như giữa các cuộc chiến tranh thế giới, và rất có thể gây ra kết quả tương tự.

Hai nước mạnh nhất ở Châu Âu hậu Chiến tranh Lạnh có thể là Đức và Liên Xô. Hai nước này sẽ được phân cách về mặt địa lý bởi một loạt các quốc gia nhỏ và độc lập ở Đông Âu. Không có nhiều thay đổi ở Tây Âu, mặc dù các nước trong vùng sẽ phải lo lắng về sự đe dọa tiềm tàng của Đức ở phía đông.

Khả năng xảy ra xung đột trong hệ thống này rất lớn. Có nhiều cặp xung đột tiềm năng khiến chiến tranh có thể sẽ nổ ra. Sự mất cân bằng quyền lực sẽ trở nên phổ biến do những cơ hội mà hệ thống tạo ra cho việc bắt nạt và kết bè phái. Khả năng xảy ra tính toán sai lầm là rất cao. Rắc rối trong việc kiểm chế sức mạnh của Đức sẽ lại nổi lên một lần nữa, nhưng sự phân bổ quyền lực tại Châu Âu sẽ khiến việc xây dựng một liên minh đối trọng hiệu quả trở nên khó khăn, cũng vì lý do này mà không thể xây dựng được một liên minh đối trọng hiệu quả vào thập niên 1930. Đến một lúc nào đó vấn đề kiểm chế sức mạnh Liên Xô cũng sẽ lại nổi lên. Cuối cùng, xung đột sẽ bùng nổ ở Đông Âu, tạo ra vòng xoáy cuốn cả các nước khác vào một cuộc đối đầu quy mô hơn.

Một nước Đức thống nhất sẽ bị bao quanh bởi những nước nhỏ hơn, những nước khó có thể chống lại sự xâm lược của Đức. Không có các lực lượng đồn trú tại các nước tiếp giáp Đức, cả Liên Xô và Mỹ đều không có vị thế tốt để giúp các nước này kiềm chế sức mạnh của Đức. Hơn nữa, những nước nhỏ nằm giữa Đức và Liên Xô có thể sẽ sợ Liên Xô ngang với Đức, và do đó không sẵn lòng hợp tác với Liên Xô để ngăn cản sự xâm lược của Đức. Vấn đề này thực tế đã nổi lên từ thập niên 1930, và 45 năm chiếm đóng của Liên Xô trong giai đoạn chuyển tiếp đã không giúp xoa dịu nỗi sợ hãi của Đông Âu đối với sự hiện diện của quân đội Liên Xô. Như thế, các kịch bản Đức dùng lực lượng quân sự tấn công Ba Lan, Tiệp Khắc và thậm chí cả Áo là điều hoàn toàn có thể xảy ra.

Liên Xô rất cuộc cũng có thể đe dọa hiện trạng này. Việc Liên Xô rút quân khỏi Đông Âu không có nghĩa là họ sẽ không bao giờ cảm thấy cần phải quay lại đó. Lịch sử cho thấy rất nhiều trường hợp Nga hay Liên Xô can dự vào Đông Âu. Thật vậy, sự hiện diện của Nga ở Đông Âu lúc nhiều lúc ít lặp đi lặp lại trong suốt vài thế kỷ qua.<sup>1</sup> Do đó, sự rút quân của Liên Xô hiện tại khó có thể đảm bảo một sự ra đi vĩnh viễn.

Xung đột giữa các quốc gia Đông Âu cũng có khả năng gây ra bất ổn ở một Châu Âu đa cực. Không có chiến tranh giữa các nước ở khu vực này trong suốt Chiến tranh Lạnh là vì Liên Xô đã kiểm soát họ rất chặt chẽ. Quan điểm này được minh chứng bởi những căng thẳng nghiêm trọng hiện đang tồn tại giữa Hungary và Rumani về sự đối xử của Rumani đối với những người thiểu số Hungary tại Transylvania, vùng đất trước đây thuộc về Hungary và vẫn có khoảng 2 triệu người Hungary đang sinh sống tại đây. Nếu không phải vì sự có mặt của Liên Xô ở Đông Âu, xung đột này đã có thể đưa Rumani và Hungary tới chiến tranh, và có thể đưa họ đến chiến tranh trong tương lai.<sup>2</sup> Điều này sẽ không phải là mối nguy hiểm duy nhất ở Đông Âu nếu để chế Liên Xô sụp đổ.<sup>3</sup>

---

<sup>1</sup> Xem: Ivo J. Lederer, ed., *Russian Foreign Policy: Essays in Historical Perspective* (New Haven: Yale University Press, 1962); Andrei Lobanov-Rostovsky, *Russia and Europe, 1825-1878* (Ann Arbor, Mich.: George Wahr Publishing, 1954); và Marc Raeff, *Imperial Russia, 1682-1825: The Coming of Age of Modern Russia* (New York: Knopf, 1971), chap. 2.

<sup>2</sup> Để hiểu rõ hơn về mối ác cảm giữa Hungary và Rumani đối với vấn đề này, xem *Witnesses to Cultural Genocide: First-Hand Reports on Romania's Minority Policies Today* (New York: American Transylvanian Federation and the Committee for Human Rights in Romania, 1979). Những cuộc đụng độ vào tháng 3 năm 1990 giữa người Hungary và Rumani ở Tirgu Mures (Rumani Transylvania) cho thấy khả năng xảy ra bạo lực man rợ tiềm ẩn trong những cuộc xung đột sắc tộc này.

<sup>3</sup> Xem Zbigniew Brzezinski, "Post-Communist Nationalism," *Foreign Affairs*, Vol. 68, No. 5 (Winter 1989/1990), pp. 1-13; và Mark Kramer, "Beyond the Brezhnev Doctrine: A New Era in Soviet-East European Relations?" *International Security*, Vol. 14, No. 3 (Winter 1989/1990), trang 51- 54.

Chiến tranh ở Đông Âu sẽ gây ra những đau khổ khủng khiếp cho người dân Đông Âu. Cuộc chiến này có thể lan rộng ra các nước lớn vì họ sẽ bị lôi kéo vào cuộc tranh giành ảnh hưởng tại khu vực này, đặc biệt nếu sự rối loạn tạo ra một nền chính trị dễ thay đổi mang lại cơ hội cho các nước bên ngoài gây ảnh hưởng, hoặc đe dọa khuất phục những quốc gia thân thiện. Trong suốt Chiến tranh Lạnh, cả hai siêu cường đều bị kéo vào những xung đột ở các nước Thế giới thứ ba trên toàn cầu, thường là ở những vùng xa xôi có tầm quan trọng chiến lược không cao. Đông Âu nằm kề cả Liên Xô và Đức và có tầm quan trọng chiến lược và kinh tế đáng kể; do đó, những bất ổn ở Đông Âu thậm chí có thể gây ra sự cảm dỗ đối với các cường quốc này lớn hơn là những cuộc xung đột trước đây ở Thế giới thứ ba đã gây ra cho các siêu cường. Hơn nữa, do kết quả của những xung đột tại khu vực này phần lớn được quyết định bởi thành công tương đối của mỗi bên trong việc tìm kiếm đồng minh bên ngoài, các quốc gia Đông Âu sẽ có động cơ mạnh mẽ để kéo các nước lớn vào những cuộc xung đột của họ tại khu vực này.<sup>4</sup> Vậy nên sẽ có cả lực kéo và lực đẩy đối với sự can dự của các cường quốc bên ngoài vào các cuộc chiến ở Đông Âu.

Tính toán sai lầm cũng có khả năng trở thành vấn đề của một Châu Âu đa cực. Ví dụ, trật tự mới có thể chứng kiến rõ những mô hình xung đột đang thay đổi, khiến cho các nước đối địch không có đủ thời gian để thống nhất về sự phân chia quyền lợi và các quy tắc tương tác, hoặc liên tục buộc họ tái thiết lập những thỏa thuận và quy tắc mới vì sự thù địch cũ dần biến mất và cái mới sẽ nổi lên. Hoàn cảnh mới sẽ khó cho phép xây dựng một loạt thỏa thuận hiệu quả giống như những thỏa thuận giúp mang lại ổn định cho Chiến tranh Lạnh từ năm 1963. Thay vào đó, tình hình Châu Âu sẽ trở nên giống như thời kỳ đầu của Chiến tranh Lạnh, khi mà việc không có luật lệ đã dẫn tới những cuộc khủng hoảng lặp đi lặp lại liên tục. Thêm vào đó, đặc điểm đa cực của hệ thống có thể sẽ gây ra những tính toán sai lầm liên quan đến sức mạnh của những liên minh đối lập.

Rất khó để dự đoán chính xác về sự cân bằng sức mạnh quân sự phi hạt nhân sẽ nổi lên giữa hai cường quốc lớn nhất ở Châu Âu hậu Chiến tranh Lạnh, đặc biệt là khi tương lai sức mạnh của Liên Xô hiện rất khó dự đoán. Liên Xô có thể phục hồi sức mạnh của mình ngay sau khi rút quân khỏi Trung Âu; nếu thế, sức mạnh Liên Xô có thể vượt sức mạnh Đức. Hoặc các lực lượng dân tộc ly khai sẽ làm tan rã Liên Xô, không để lại một nước nào sánh ngang được với nước Đức thống

---

<sup>4</sup> Thủ tướng mới của Hungary, Jozsef Antall, đã phát biểu về sự cần thiết phải có một "giải pháp Châu Âu" cho vấn đề đối xử của Rumani với những người Hungary ở Transylvania. Celestine Bohlen, "Victor in Hungary Sees '45 as the Best of Times," *New York Times*, April 10, 1990, trang A8.

nhất.<sup>5</sup> Kịch bản nhiều khả năng xảy ra nhất là Đức và Liên Xô nổi lên như những cường quốc gần như cân bằng về sức mạnh. Hai kịch bản đầu tiên, với sự bất bình đẳng rõ ràng giữa hai cường quốc đứng đầu, sẽ đặc biệt đáng lo ngại, mặc dù kịch bản sức mạnh Liên Xô và Đức ngang bằng nhau cũng rất đáng quan tâm.

Chủ nghĩa dân tộc quá khích trở dậy sẽ tạo ra ít nguy hiểm hơn những vấn đề đã nêu trên, nhưng một số hình thức chủ nghĩa dân tộc có thể lại nổi lên khi không có Chiến tranh Lạnh và tạo thêm động lực dẫn đến chiến tranh. Một Châu Âu phi hạt nhân sẽ gặp rắc rối đặc biệt với chủ nghĩa dân tộc vì an ninh trong một trật tự như vậy phần lớn là nhờ có lực lượng quân đội đông đảo, và những quân đội này thường không thể duy trì nếu không kích động chủ nghĩa dân tộc quá khích trong xã hội. Vấn đề có thể trở nên nghiêm trọng nhất ở Đông Âu, nhưng cũng có khả năng gây nên rắc rối tại Đức. Người Đức nhìn chung đã đạt được kết quả rất đáng ngưỡng mộ trong việc đấu tranh chống lại chủ nghĩa dân tộc trong hơn 45 năm qua và luôn ghi nhớ về giai đoạn đen tối trong quá khứ của mình. Tuy nhiên, những điểm báo đáng lo ngại đang trở nên rõ ràng; nhưng điều đáng lo nhất là vài người Đức có ảnh hưởng gần đây đã khuyến khích tăng cường việc dạy chủ nghĩa dân tộc trong giáo dục lịch sử.<sup>6</sup> Hơn nữa, chủ nghĩa dân tộc sẽ tăng lên do những tranh chấp biên giới chưa được giải quyết nổi lên một khi Mỹ và Liên Xô rút quân. Đặc biệt đáng chú ý là tranh chấp biên giới giữa Đức và Ba Lan mà người Đức sẽ làm thay đổi theo hướng có lợi cho mình.

Tuy vậy, rất khó có khả năng Châu Âu sẽ trở nên phi hạt nhân, bất chấp sự phản đối vũ khí hạt nhân hiện đang rất mạnh mẽ ở đây. Ví dụ, không có khả năng người Pháp, khi không còn sự che chở của Mỹ và phải đối mặt với một nước Đức mới thống nhất, sẽ từ bỏ vũ khí hạt nhân của mình. Và Liên Xô chắc chắn vẫn lo ngại về việc cân bằng khả năng răn đe hạt nhân của Mỹ, và do đó sẽ duy trì khả năng răn đe của chính mình.

---

<sup>5</sup> Bài viết này tập trung vào ảnh hưởng của những thay đổi trong sức mạnh của Liên Xô và sự co cụm lại của đế chế Liên Xô lên triển vọng ổn định ở Châu Âu. Tuy nhiên, sự tan rã của Liên Xô, một kịch bản không được phân tích chi tiết ở đây, ngoài những mối nguy hiểm được đề cập ở đây, sẽ còn mang lại những mối nguy hiểm khác.

<sup>6</sup> Các khía cạnh của câu chuyện này đã được đề cập trong tác phẩm của Richard J. Evans, *In Hitler's Shadow: West German Historians and the Attempt to Escape from the Nazi Past* (New York: Pantheon, 1989). Một nghiên cứu về những nỗ lực của người Đức trong quá khứ nhằm bóp méo lịch sử là Holger H. Herwig, "Clio Deceived: Patriotic Self-censorship in Germany After the Great War," *International Security*, Vol. 12, No. 2 (Fall 1987), trang 5-44.

### ***Mô hình sở hữu vũ khí hạt nhân hiện tại sẽ tiếp diễn***

Một trật tự hợp lý hơn cho Châu Âu hậu Chiến tranh Lạnh là trật tự trong đó Anh, Pháp và Liên Xô vẫn giữ vũ khí hạt nhân, nhưng sẽ không có thêm cường quốc hạt nhân nào khác xuất hiện ở Châu Âu. Kịch bản này cho thấy một khu vực phi hạt nhân ở Trung Âu, nhưng vẫn để lại vũ khí hạt nhân bên sườn Châu Âu.

Kịch bản này cũng có vẻ khó xảy ra, bởi vì những nước không sở hữu vũ khí hạt nhân sẽ có động lực quan trọng để phát triển vũ khí hạt nhân cho chính mình. Đức có thể không cần vũ khí hạt nhân để ngăn chặn một cuộc tấn công thông thường của các nước láng giềng, vì cả Pháp hay các nước Đông Âu đều không có khả năng đánh bại một nước Đức thống nhất trong một cuộc chiến tranh thông thường. Liên Xô sẽ là mối đe dọa phi hạt nhân chính đáng duy nhất của Đức, nhưng miễn là các nước Đông Âu vẫn độc lập, lục quân Liên Xô sẽ không thể thực hiện một cuộc tấn công trực tiếp. Tuy nhiên người Đức sẽ không sẵn lòng dựa vào người Ba Lan hay Tiệp Khắc để tạo rào chắn và thay vào đó có thể nhận thấy vũ khí hạt nhân là cách tốt nhất để ngăn chặn một cuộc tấn công thông thường của Liên Xô vào Trung Âu. Người Đức có thể chọn sở hữu vũ khí hạt nhân nhằm bảo vệ chính mình khỏi bị đe dọa bởi những cường quốc hạt nhân khác. Cuối cùng, do Đức có sức mạnh kinh tế lớn hơn cả Anh hoặc Pháp, họ sẽ tìm kiếm vũ khí hạt nhân để nâng cao vị thế quân sự cho tương xứng với vị thế kinh tế.

Các nước nhỏ ở Đông Âu sẽ có động lực mạnh mẽ để có được vũ khí hạt nhân. Không có vũ khí hạt nhân, những nước Đông Âu này sẽ dễ dàng bị đe dọa hạt nhân bởi Liên Xô và Đức, nếu nước này có được vũ khí hạt nhân. Không quốc gia Đông Âu nào có thể sở hữu sức mạnh phi hạt nhân sánh được với Đức hay Liên Xô, và điều này sẽ tạo động lực mạnh mẽ cho những nước nhỏ tìm cách có được khả năng ngăn chặn hạt nhân, ngay cả khi các cường quốc không có. Tóm lại, dường như khó có khả năng hình thức sở hữu hiện tại vẫn tiếp diễn mà không có sự phổ biến vũ khí hạt nhân.

Trật tự này ổn định như thế nào? Sự tiếp tục hiện diện của vũ khí hạt nhân tại Châu Âu sẽ có tác dụng bình ổn. Vũ khí hạt nhân sẽ khiến cho chính các nước sở hữu chúng phải cẩn trọng hơn, đảm bảo an ninh lớn hơn cho các cường quốc hạt nhân, có xu hướng cân bằng sức mạnh tương đối của các nước sở hữu chúng, và làm giảm nguy cơ tính toán sai lầm. Tuy nhiên, những lợi ích này sẽ bị hạn chế nếu vũ khí hạt nhân không được phổ biến ngoài những quốc gia hiện đang sở hữu, vì bốn nguyên nhân chính sau.

Đầu tiên, vùng trung tâm rộng lớn của Châu Âu sẽ không có được sự cẩn trọng và an ninh mà vũ khí hạt nhân mang lại. Cả khu vực giữa Pháp và Liên Xô,

trải dài từ Bắc Cực ở phía Bắc tới Địa Trung Hải ở phía Nam, và bao gồm khoảng mười tám nước quan trọng, sẽ trở thành một vùng rộng lớn “thuận lợi” đối với chiến tranh thông thường. Thứ hai, mỗi quan hệ quyền lực không cân xứng sẽ buộc phải phát triển giữa những quốc gia hạt nhân và phi hạt nhân cũng như giữa những quốc gia phi hạt nhân, làm gia tăng các mối đe dọa kèm theo sự bất đối xứng. Thứ ba, nguy cơ tính toán sai lầm sẽ tăng lên, phản ánh tính chất đa cực của hệ thống này và sự thiếu vắng vũ khí hạt nhân ở một phần lớn của hệ thống. Sẽ rất khó xây dựng một trật tự chính trị bền vững được thừa nhận chung vì các liên minh chính trị có xu hướng thay đổi theo thời gian, gây nên những tính toán sai lầm về quyết tâm của các đối thủ. Sức mạnh tương đối của các liên minh chiến tranh tiềm năng sẽ rất khó tính toán vì sức mạnh của liên minh sẽ phụ thuộc rất lớn vào những thay đổi thất thường của ngoại giao. Những bất định về khả năng tương đối như vậy sẽ giảm bớt trong những xung đột nảy sinh giữa các cường quốc hạt nhân: vũ khí hạt nhân có xu hướng cân bằng sức mạnh giữa các quốc gia hay liên minh có sự chênh lệch lớn về nguồn lực, và do vậy làm mất đi tầm quan trọng của việc gia nhập hay ly khai khỏi mỗi liên minh. Tuy nhiên, sự bất định sẽ sâu sắc hơn giữa những nước vẫn còn trong tình trạng phi hạt nhân. Thứ tư, an ninh của các quốc gia vũ trang phi hạt nhân ở Trung Âu sẽ phụ thuộc vào quân đội đại chúng, tạo động lực cho các quốc gia này tuyên truyền chủ nghĩa dân tộc nguy hiểm cho xã hội để duy trì sự ủng hộ của quần chúng đối với các nỗ lực phòng vệ.

### ***Sự phổ biến vũ khí hạt nhân được kiểm soát tốt hoặc không***

Viễn cảnh có khả năng xảy ra nhất sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc là sự phổ biến vũ khí hạt nhân rộng hơn ở Châu Âu. Kết quả này mang đầy rủi ro, nhưng cũng có thể mang lại hy vọng lớn nhất để duy trì sự ổn định ở Lục địa. Những tác động của việc này phụ thuộc rất nhiều vào việc nó được kiểm soát thế nào. Sự phổ biến vũ khí hạt nhân không được kiểm soát có thể gây ra thảm họa, trong khi nếu được kiểm soát tốt có thể tạo nên một trật tự ổn định gần như trật tự hiện tại. Thật đáng tiếc, bất cứ sự phổ biến vũ khí hạt nhân nào cũng có thể không được kiểm soát tốt.

Bốn mối nguy chính có thể nảy sinh nếu sự phổ biến vũ khí hạt nhân không được kiểm soát phù hợp. Đầu tiên, quá trình phổ biến vũ khí hạt nhân tự nó có thể tạo động lực mạnh mẽ cho các cường quốc hiện tại sử dụng sức mạnh ngăn cản các nước láng giềng phi hạt nhân của mình có được vũ khí hạt nhân, giống như Israel từng làm với Iraq.

Thứ hai, thậm chí sau khi quá trình phổ biến hạt nhân kết thúc, một sự cạnh tranh hạt nhân ổn định cũng không thể diễn ra giữa các quốc gia hạt nhân mới. Các

nước nhỏ hơn ở Châu Âu có thể thiếu các nguồn lực cần thiết để duy trì sức mạnh hạt nhân của mình; sức mạnh hạt nhân mới còn non yếu có thể tạo ra cho đối thủ động cơ tấn công trước và những bất ổn kèm theo khủng hoảng. Vì nền kinh tế của những nước này khá nhỏ, họ không thể phát triển kho vũ khí lớn như của những cường quốc; kho vũ khí với quy mô nhỏ do đó rất dễ bị tấn công. Hơn nữa, việc không thể bành trướng lãnh thổ khiến cho các nước này không có được các căn cứ khả thi, như căn cứ tên lửa di động giúp bảo đảm các biện pháp răn đe của họ.

Một số nước nằm hoàn toàn trong đất liền, do đó không thể đặt căn cứ vũ khí hạt nhân trên biển, phương thức thiết lập căn cứ an toàn nhất được các siêu cường sử dụng. Hơn nữa, sự gần gũi với một quốc gia khác khiến họ không có thời gian cảnh báo, và do đó không thể giúp tận dụng hiệu quả sự cảnh báo hiệu quả để ngăn ngừa các cuộc tấn công, ví dụ như nhanh chóng khởi động các máy bay ném bom báo động. Cuối cùng, những cường quốc hạt nhân mới nổi cũng có thể thiếu nguồn lực cần thiết để xây dựng hệ thống chỉ huy và kiểm soát an toàn cũng như đầy đủ các thủ tục an toàn trong quản lý hạt nhân, do vậy làm gia tăng nguy cơ khởi động hệ thống không mong muốn, hoặc bị khủng bố chiếm và sử dụng vũ khí hạt nhân.

Thứ ba, giới cầm quyền và quần chúng ở các quốc gia hạt nhân mới nổi ở Châu Âu có thể không kịp xây dựng các học thuyết và quan điểm phản ánh sự thấu hiểu những hậu quả tàn khốc và khả năng không thể thắng căn bản của chiến tranh hạt nhân. Sẽ có những ý kiến ở Châu Âu hậu Chiến tranh Lạnh cho rằng chiến tranh hạt nhân hạn chế là khả thi, và những cuộc chiến tranh hạt nhân có thể được tiến hành và chiến thắng. Những luận điệu này có thể được chấp nhận một cách nghiêm túc tại những quốc gia chưa từng có nhiều kinh nghiệm trực tiếp trong cuộc cách mạng hạt nhân.

Thứ tư, sự phổ biến vũ khí hạt nhân rộng rãi sẽ gia tăng khả năng khai ngòi chiến tranh hạt nhân, và đến lượt nó làm gia tăng khả năng vũ khí hạt nhân sẽ bị khai hỏa do tai nạn, sử dụng trái phép, bị khủng bố cướp, hoặc do việc đưa ra quyết định thiếu lý trí.

Nếu những vấn đề này không được giải quyết, sự phổ biến hạt nhân sẽ mang lại những nguy hiểm trầm trọng. Tuy nhiên, các cường quốc hạt nhân hiện tại có thể tiến hành các biện pháp giúp giảm những nguy cơ này. Họ có thể giúp ngăn chặn các cuộc tấn công dự phòng vào những quốc gia hạt nhân mới nổi bằng cách gia tăng sự đảm bảo an ninh. Họ có thể hỗ trợ kỹ thuật để giúp những cường quốc mới được trang bị hạt nhân bảo vệ hệ thống của mình. Và họ có thể giúp các



xã hội hạt nhân mới này hiểu bản chất của sức mạnh mình đang nắm giữ. Sự phổ biến hạt nhân được kiểm soát theo cách này có thể giúp củng cố nền hòa bình.

Vũ khí hạt nhân nên được phép phổ biến tới mức nào? Tốt nhất là sự phổ biến hạt nhân chỉ nên được giới hạn tại Đức chứ không đi xa hơn nữa.<sup>7</sup> Đức có một cơ sở kinh tế lớn mạnh, và do đó có thể duy trì sức mạnh hạt nhân an toàn. Hơn nữa, Đức sẽ cảm thấy không an toàn nếu không có vũ khí hạt nhân; và sức mạnh phi hạt nhân lớn của Đức giúp họ gây ảnh hưởng quan trọng đến Châu Âu nếu cảm thấy bất an. Những nước khác – đặc biệt là Đông Âu – có lẽ cũng muốn sở hữu hạt nhân, nhưng tốt nhất nên tránh sự phổ biến hạt nhân rộng rãi thêm này. Lý do, như đã được nêu trên, là các nước này có thể không đảm bảo được an toàn cho hệ thống hạt nhân của mình, và sự phổ biến không giới hạn sẽ làm tăng nguy cơ vũ khí hạt nhân rơi vào tay khủng bố hoặc các lãnh đạo quốc gia thiếu lý trí. Tuy nhiên, nếu sự phổ biến vũ khí hạt nhân rộng rãi hơn được chứng tỏ là không thể tránh khỏi mà không có các biện pháp cực đoan, những cường quốc hạt nhân hiện tại nên để nó xảy ra, trong khi đó cố hết sức hướng nó theo chiều hướng an toàn.

Tuy nhiên, ngay cả khi sự phổ biến hạt nhân được kiểm soát tốt, những mối nguy đáng kể vẫn tồn tại. Nếu tất cả cường quốc ở Châu Âu đều sở hữu vũ khí hạt nhân, lịch sử cho thấy rằng họ vẫn đấu tranh giành ảnh hưởng ở các nước nhỏ hơn và sẽ bị kéo vào các xung đột của những nước nhỏ. Các cường quốc, dù được đảm bảo an ninh nhờ kho vũ khí hạt nhân, vẫn cạnh tranh giành ảnh hưởng dữ dội tại các khu vực xa xôi, không quan trọng về mặt chiến lược như Nam Á, Đông Nam Á, và Trung Mỹ. Các cường quốc Châu Âu có thể sẽ tiếp tục cạnh tranh, đặc biệt là ở Đông Âu, ngay cả khi họ đã sở hữu khả năng răn đe hạt nhân an toàn.

Khả năng kết bè phái vẫn còn: vài quốc gia hạt nhân có thể liên kết với nhau chống lại một quốc gia hạt nhân đơn độc, có lẽ là để tập hợp đủ sức mạnh để áp đảo hệ thống hạt nhân của quốc gia mục tiêu. Các quốc gia hạt nhân cũng có thể đe dọa những nước láng giềng phi hạt nhân. Vấn đề này sẽ được giảm nhẹ nếu quá trình phổ biến hạt nhân không giới hạn diễn ra, khi đó sẽ chỉ còn vài nước phi hạt nhân trở thành đối tượng bị các nước hạt nhân khác đe dọa, nhưng sự phổ biến hạt nhân rộng rãi này cũng mang theo nó nhiều nguy cơ, như đã nói ở trên.

Sự phổ biến hạt nhân được kiểm soát tốt sẽ giảm nguy cơ các quốc gia tính toán sai lầm về sức mạnh tương đối của các liên minh, vì vũ khí hạt nhân giúp làm rõ sức mạnh tương đối của các nước, và làm mất đi tầm quan trọng của sự gia nhập và rút lui không lường trước khỏi các liên minh. Tuy nhiên, vẫn còn nguy cơ là

---

<sup>7</sup> Xem David Garnham, "Extending Deterrence with German Nuclear weapons," *International Security*, Vol. 10, No. 1(Summer 1985), trang 96-110.

ý chí quyết tâm của các nước sẽ bị tính toán sai, vì hình mẫu xung đột có khả năng trở nên dễ thay đổi trong một Châu Âu đa cực, do vậy làm cản trở sự hình thành phạm vi quyền lợi và hành vi ứng xử một cách rõ ràng.

Sự phổ biến hạt nhân không giới hạn, ngay cả khi được kiểm soát hiệu quả, sẽ làm gia tăng những nguy cơ xuất hiện khi có quá nhiều khả năng khai ngòi chiến tranh hạt nhân – tai nạn, sử dụng trái phép hay thiếu lý trí, hoặc bị khủng bố chiếm đoạt.

Trong bất cứ trường hợp nào, sự phổ biến vũ khí hạt nhân khó có thể được kiểm soát tốt. Các cường quốc hạt nhân không thể dễ dàng kiểm soát sự phổ biến hạt nhân trong khi cùng lúc đó lại phản đối nó; có một sức ép tự nhiên giữa hai mục tiêu này. Nhưng các nước có lý do để phản đối sự phổ biến này. Các cường quốc hạt nhân hiện tại sẽ miễn cưỡng giúp đỡ kỹ thuật cho các cường quốc hạt nhân mới trong việc xây dựng hệ thống hạt nhân an toàn, vì nó đi ngược lại với bản chất của ứng xử quốc gia khi chuyển giao sức mạnh quân sự cho các nước khác, và vì sợ rằng công nghệ quân sự nhạy cảm có thể trở ngược chống lại những quốc gia hỗ trợ nếu công nghệ đó được chuyển giao cho các đối thủ của những nước này. Các cường quốc hạt nhân cũng sẽ miễn cưỡng làm suy yếu tính hợp pháp của Hiệp ước Cấm phổ biến Vũ khí hạt nhân (NPT) năm 1968 bằng cách cho phép các nước ký kết có được vũ khí hạt nhân, vì điều này có thể mở lối cho sự phổ biến hạt nhân rộng rãi mà họ tìm cách tránh, ngay cả khi các nước này ủng hộ sự phổ biến hạt nhân rất hạn chế. Vì những lý do này mà các cường quốc hạt nhân sẽ dồn sức vào việc ngăn cản quá trình phổ biến vũ khí hạt nhân hơn là kiểm soát nó.

Sự phổ biến hạt nhân có thể được kiểm soát dễ dàng nếu diễn ra trong thời kỳ thế giới tương đối yên bình. Sự phổ biến hạt nhân diễn ra trong thời kỳ khủng hoảng sẽ đặc biệt nguy hiểm vì các nước đang có xung đột với những cường quốc hạt nhân mới nổi sẽ có động lực mạnh mẽ để dùng vũ lực ngăn cản quá trình này. Tuy nhiên, sự phổ biến hạt nhân sẽ khó có thể bắt đầu cho tới khi bùng nổ khủng hoảng, vì giữa các cường quốc hạt nhân tiềm năng sẽ có sự phản đối trong nước đối với sự phổ biến này, cũng như sẽ có sự kháng cự mạnh mẽ từ những cường quốc hạt nhân bên ngoài. Do đó có thể phải cần tới một cuộc khủng hoảng để thúc đẩy các cường quốc hạt nhân tiềm năng chi trả chi phí di chuyển trong nước và quốc tế để xây dựng sức mạnh hạt nhân. Do đó, sự phổ biến vũ khí hạt nhân có khả năng xảy ra dưới những điều kiện quốc tế bất lợi hơn là trong thời bình.

Cuối cùng, có những giới hạn về khả năng các cường quốc hạt nhân hiện có giúp đỡ những quốc gia hạt nhân mới nổi nhỏ hơn xây dựng hệ thống phòng ngừa an toàn. Ví dụ, những quốc gia nhỏ không giáp biển không thể sử dụng hệ thống

hạt nhân đặt trên biển hoặc những hệ thống tên lửa di động trên mặt đất đòi hỏi phải có diện tích đất rộng lớn; có những vấn đề địa lý mà công nghệ không thể vượt qua. Do đó ngay cả khi các quốc gia hạt nhân hiện tại chuyển sang kiểm soát quá trình phổ biến hạt nhân sớm và khôn ngoan, quá trình này vẫn có thể làm gia tăng những hiểm nguy không thể kiểm soát.

## **Những lý thuyết khác dự đoán hòa bình**

Nhiều nhà nghiên cứu chính trị Châu Âu sẽ phản đối phân tích bi quan của tôi về Châu Âu hậu Chiến tranh Lạnh và phản biện rằng một Châu Âu đa cực có khả năng ít nhất là cũng yên bình như trật tự hiện nay. Ba kịch bản cụ thể cho tương lai hòa bình được đưa ra. Mỗi kịch bản đều dựa trên một lý thuyết nổi tiếng về quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, mỗi lý thuyết này đều có vấn đề và do đó không thể dùng làm cơ sở cho những dự đoán đáng tin cậy về trật tự hòa bình ở Châu Âu đa cực; cho nên những viễn cảnh đầy hy vọng mà họ ủng hộ đều thiếu hợp lý.

Trong kịch bản lạc quan đầu tiên, một Châu Âu phi hạt nhân vẫn hòa bình vì người dân Châu Âu nhận ra rằng thậm chí chỉ một cuộc chiến tranh thông thường thôi cũng rất tồi tệ. Các nhà lãnh đạo quốc gia, được lịch sử làm cho sáng mắt, sẽ chú tâm rất nhiều đến việc tránh xảy ra chiến tranh. Kịch bản này dựa trên lý thuyết về "sự lỗi thời của chiến tranh".

Mặc dù chiến tranh thông thường hiện đại chắc chắn có thể rất tốn kém, lập luận này vẫn còn nhiều thiếu sót. Không có bất kỳ bằng chứng có hệ thống nào cho thấy Châu Âu tin rằng chiến tranh đã trở nên lỗi thời. Tuy nhiên, ngay cả khi khắp Châu Âu đều tin rằng chiến tranh là điều không còn có thể tưởng tượng ra nữa thì quan điểm vẫn có thể thay đổi. Ý kiến của dân chúng về những vấn đề an ninh quốc gia nổi tiếng là không kiên định và dễ bị ảnh hưởng bởi sự vận động của giới lãnh đạo và các sự kiện trên thế giới. Hơn nữa, chỉ cần một quốc gia cho rằng chiến tranh là điều đáng nghĩ đến đã đủ khiến chiến tranh có khả năng xảy ra lần nữa. Cuối cùng, có thể một cuộc chiến thông thường sẽ nổ ra và có chiến thắng mà không kèm theo thiệt hại nghiêm trọng, và những nhà lãnh đạo thấy được khả năng này sẽ cho rằng chiến tranh là một lựa chọn khả thi.

Ở viễn cảnh lạc quan thứ hai, Công đồng Châu Âu (EC) hiện tại sẽ lớn mạnh theo thời gian, một sự phát triển được báo trước bởi Đạo luật chung Châu Âu, vốn được xây dựng nhằm tạo nên một thị trường Tây Âu thống nhất vào năm 1992. Một EC lớn mạnh sẽ đảm bảo rằng trật tự kinh tế này vẫn luôn rộng mở và phát triển, và tính chất mở và phát triển của nền kinh tế Châu Âu sẽ giúp các nước Tây

Âu hợp tác với nhau. Theo quan điểm này, cơ cấu EC hiện tại sẽ mạnh hơn, chứ không lớn hơn. Do đó, trong khi xung đột có thể xảy ra ở Đông Âu, nguy cơ từ một nước Đức hung hăng sẽ được gỡ bỏ bằng cách khiến nước Đức mới thống nhất can dự nhiều hơn vào EC. Lý thuyết làm nền tảng cho kịch bản này là "chủ nghĩa tự do kinh tế".

Một biến thể của kịch bản thứ hai này cho rằng EC sẽ mở rộng và bao gồm cả Đông Âu, có thể là cả Liên Xô, mang lại sự giàu có và hòa bình cho các khu vực này.<sup>8</sup> Vài ý kiến cũng cho rằng trong thập kỷ tới, EC sẽ thành công đến mức nó sẽ phát triển thành một bộ máy nhà nước: một siêu quốc gia Tây Âu thống nhất sẽ nổi lên và Đức cũng nằm trong đó. Ở một thời điểm nào đó trong tương lai, phần còn lại của Châu Âu cũng sẽ được tích hợp vào siêu quốc gia đó. Dù bằng cách nào thì theo những người ủng hộ kịch bản thứ hai này và những biến thể của nó, nền hòa bình đều được củng cố.

Trong kịch bản thứ ba, có thể tránh khỏi chiến tranh vì nhiều nước Châu Âu đã trở nên dân chủ hơn từ đầu thế kỷ 20, và các nước dân chủ tự do đơn giản là không gây chiến với nhau. Ít nhất, sự hiện diện của chế độ dân chủ tự do ở Tây Âu khiến cho một nửa Châu Âu tránh được xung đột vũ trang. Ở mức tối đa, khi nền dân chủ trải rộng ra toàn Đông Âu và Liên Xô, nó sẽ củng cố nền hòa bình giữa những nước này với nhau, và giữa những nước này với Tây Âu. Kịch bản này dựa trên một lý thuyết có thể đặt tên là "các nền dân chủ yêu hòa bình".

### ***Chủ nghĩa tự do kinh tế***

TÍNH LOGIC CỦA LÝ THUYẾT NÀY. Chủ nghĩa tự do kinh tế bác bỏ quan điểm cho rằng triển vọng hòa bình gắn chặt với những tính toán về sức mạnh quân sự, và thay vào đó khẳng định rằng sự ổn định chủ yếu là một tác dụng của những cân nhắc kinh tế quốc tế. Nó giả định rằng những quốc gia hiện đại phần lớn bị thúc đẩy bởi ước muốn đạt được sự giàu có, và rằng lãnh đạo quốc gia luôn đặt phúc lợi vật chất của người dân lên trên những ưu tiên khác, kể cả an ninh. Điều này đặc biệt đúng với các nước tự do dân chủ, ở đó các nhà hoạch định chính sách đang phải chịu áp lực đặc biệt là đảm bảo phúc lợi kinh tế cho người dân.<sup>9</sup> Do vậy, chìa

---

<sup>8</sup> Jack Snyder, "Averting Anarchy in the New Europe," *International Security*, Vol. 14, No. 4 (Spring 1990), trang 5-41.

<sup>9</sup> Quan điểm về những nước tự do dân chủ làm nổi bật thực tế rằng chủ nghĩa tự do dân chủ và lý thuyết về nền dân chủ chuộng hòa bình thường gắn với nhau trong những tác phẩm của các học giả quan hệ quốc tế. Cơ sở của sự liên kết này là những gì mà mỗi lý thuyết nói về động cơ của con người. Lập luận rằng phần lớn các cá nhân đều mong muốn sự giàu có, điểm quan trọng của chủ nghĩa tự do kinh tế, khớp hoàn toàn với niềm tin cho rằng quần chúng là một lực lượng chống chiến

khóa để đạt được hòa bình là thiết lập một hệ thống kinh tế quốc tế nuôi dưỡng sự phồn thịnh cho tất cả các nước.

Gốc rễ của sự ổn định, theo lý thuyết này, là sự hình thành và duy trì một trật tự kinh tế tự do cho phép trao đổi kinh tế không ràng buộc giữa các quốc gia. Một trật tự như thế sẽ làm giảm xung đột và tăng hợp tác chính trị theo ba cách.<sup>10</sup>

Đầu tiên, nó khiến quốc gia thịnh vượng hơn; điều này củng cố hòa bình vì những quốc gia giàu có hài lòng hơn về mặt kinh tế, và những quốc gia hài lòng thường yên bình hơn. Nhiều cuộc chiến được tiến hành để giành lấy hay bảo vệ tài sản, nhưng các quốc gia ít có động lực tiến hành các cuộc chiến tranh như thế nếu họ đã giàu có rồi. Những xã hội giàu có cũng có thể mất nhiều hơn nếu bị chiến tranh tàn phá. Vì những lý do này, họ sẽ tránh chiến tranh.

Hơn nữa, sự phồn thịnh do chủ nghĩa tự do kinh tế sản sinh ra sẽ tự nuôi chính nó, bằng cách khuyến khích những thể chế quốc tế nuôi dưỡng chủ nghĩa tự do lớn mạnh hơn, và sau đó tới lượt nó thúc đẩy sự thịnh vượng. Để vận hành trơn tru, một trật tự kinh tế tự do đòi hỏi phải có các hệ thống và thể chế quốc tế, như Công đồng Châu Âu EC, Hiệp ước chung về Thuế quan và Mậu dịch (GATT), và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). Những thể chế này thực hiện hai chức năng quan trọng nhưng có giới hạn. Thứ nhất, chúng giúp các quốc gia thẩm tra xem những đồng minh của mình có giữ cam kết hợp tác hay không. Thứ hai, chúng cung cấp nguồn lực giúp các chính phủ đang phải giải quyết các vấn đề ngắn hạn phát sinh từ việc tham gia vào thị trường quốc tế, và bằng cách đó cho phép các quốc gia tránh được chính sách làm nghèo hàng xóm có thể phá hoại trật tự kinh tế hiện tại. Một

---

tranh mạnh mẽ, điều này, như đề cập dưới đây, là điểm quan trọng của lý thuyết các nền dân chủ yêu hòa bình.

<sup>10</sup> Ba lý giải được bàn ở đây dựa trên ba lý thuyết nổi bật nhất trong các tài liệu kinh tế chính trị quốc tế (IPE). Chúng thường được xem xét như những lý thuyết riêng biệt và được gán cho những tên gọi khác nhau. Tuy nhiên, chúng có chung những yếu tố quan trọng. Do đó, để rõ ràng, tôi xem xét chúng như ba nhánh của một lý thuyết chung: chủ nghĩa tự do kinh tế. Cần phải làm rõ trước một điều. Những tài liệu IPE thường không thành công trong việc tuyên bố những lý thuyết của mình một cách rõ ràng, nên rất khó để đánh giá chúng. Thế nên, tôi đã phân tích những lý thuyết này từ các tác phẩm đôi khi không rõ ràng có thể gây ra những giải thích trái chiều. Những mô tả của tôi về chủ nghĩa tự do kinh tế được rút ra từ những nghiên cứu mà tôi cho là tốt nhất trong dòng IPE: Richard N. Cooper, "Economic Interdependence and Foreign Policies in the Seventies," *World Politics*, Vol. 24, No. 2 (January 1972), trang 158-181; Ernst B. Haas, "Technology, Pluralism, and the New Europe," in Joseph S. Nye, Jr., ed., *International Regionalism* (Boston: Little, Brown, 1968), trang 149-176; Robert O. Keohane and Joseph S. Nye, Jr., *Power and Interdependence: World Politics in Transition* (Boston: Little, Brown, 1977); Robert O. Keohane, *After Hegemony: Cooperation and Discord in the World Political Economy* (Princeton: Princeton University Press, 1984); David Mitrany, *A Working Peace System* (Chicago: Quadrangle Press, 1966); Edward L. Morse, "The Transformation of Foreign Policies: Modernization, Interdependence, and Externalization," *World Politics*, Vol. 22, No. 3 (April 1970), pp. 371-392; và Richard N. Rosecrance, *The Rise of the Trading State: Commerce and Conquest in the Modern World* (New York: Basic Books, 1986).

khi được thiết lập, những thể chế và tổ chức này sẽ thúc đẩy hợp tác kinh tế, do đó củng cố sự thịnh vượng. Chúng cũng tự củng cố cho chính mình: một khi còn hiện hữu, chúng sẽ mở rộng quy mô và ảnh hưởng bằng cách chứng minh giá trị của mình và thuyết phục các quốc gia cũng như người dân. Và khi quyền lực lớn mạnh hơn, các thể chế này sẽ thúc đẩy sự hợp tác tốt hơn, điều này sẽ củng cố thêm sự phồn thịnh, nhờ đó củng cố uy tín và ảnh hưởng của chúng. Về bản chất, một mối quan hệ tốt đẹp phát triển theo đường xoắn ốc được thiết lập giữa các cơ chế thúc đẩy hợp tác và thịnh vượng, ở đó mỗi cơ chế làm cơ sở cho sự phát triển của cơ chế khác.

Thứ hai, một trật tự kinh tế tự do thúc đẩy sự phụ thuộc kinh tế lẫn nhau giữa các nước. Sự phụ thuộc lẫn nhau được định nghĩa là một tình huống trong đó hai nước cùng dễ bị tổn hại; mỗi nước là con tin của nước kia trong lĩnh vực kinh tế.<sup>11</sup> Lý thuyết này cho rằng khi sự phụ thuộc lẫn nhau ở mức cao sẽ có ít cám dỗ khiến các nước lừa dối hay cư xử hung hăng với nước khác vì tất cả các nước đều có thể trả đũa. Sự phụ thuộc lẫn nhau cho phép các nước buộc nước khác phải hợp tác trong những vấn đề kinh tế, cũng giống như sự đảm bảo tiêu diệt lẫn nhau cho phép các cường quốc hạt nhân buộc những nước khác phải tôn trọng nền an ninh của mình. Tất cả quốc gia đều bị buộc phải ứng xử như đối tác của nhau trong việc cung cấp những tiện nghi vật chất cho người dân.

Thứ ba, một số lý thuyết gia cho rằng với sự hợp tác chính trị ngày càng tăng, các thể chế quốc tế sẽ trở nên mạnh đến nỗi mà chúng ngày càng độc lập hơn, và cuối cùng sẽ phát triển thành một siêu quốc gia. Đây là quan điểm của thiểu số; hầu hết những người theo chủ nghĩa tự do kinh tế không cho rằng các thể chế sẽ trở nên mạnh đến mức chúng có thể buộc các quốc gia hành xử đi ngược lại những lợi ích hẹp hòi của chính mình. Thay vào đó phần lớn giữ quan điểm rằng những thể chế này về bản chất sẽ phản ánh lợi ích của các quốc gia sáng lập và duy trì chúng, và vẫn phục vụ cho những lợi ích khác của các quốc gia này. Tuy nhiên, quan điểm "phát triển thành siêu quốc gia" phản ánh một nhánh quan trọng trong suy nghĩ của những người theo chủ nghĩa tự do kinh tế.

Thiếu sót chính trong lý thuyết này là sai lầm trong giả thiết nền tảng của nó - cho rằng các quốc gia chủ yếu bị thúc đẩy bởi mong muốn có được sự thịnh vượng. Những quốc gia này chắc chắn quan tâm đến sự thịnh vượng, và do vậy những tính toán kinh tế không thể nói là không quan trọng đối với họ. Tuy nhiên, các quốc gia vận hành trong cả môi trường chính trị quốc tế và kinh tế quốc tế, và

---

<sup>11</sup> Xem Kenneth N. Waltz, "The Myth of National Interdependence," trong Charles P. Kindleberger, ed., *The International Corporation* (Cambridge: MIT Press, 1970), trang 205-223.

cái đầu sẽ chi phối cái sau trong trường hợp hai hệ thống này có xung đột. Nguyên do rất dễ hiểu: hệ thống chính trị quốc tế là vô chính phủ, điều này có nghĩa là mỗi quốc gia phải luôn luôn lưu tâm đến việc đảm bảo sự sống còn của mình. Vì một quốc gia không có bất kỳ mục tiêu nào cao hơn là sự sống còn, khi tình thế xô đẩy, những cân nhắc chính trị quốc tế sẽ trở thành điều tối quan trọng trong tâm trí những người đưa ra quyết định.

Những người ủng hộ chủ nghĩa tự do kinh tế phần lớn đều bỏ qua tác động của tình trạng vô chính phủ đối với hành vi của quốc gia và thay vào đó, họ tập trung nhiều vào những cân nhắc kinh tế. Tuy vậy, khi thiếu sót này được sửa chữa, những lập luận của họ đều sụp đổ vì hai lý do.

Đầu tiên, sự cạnh tranh an ninh gây nhiều khó khăn cho việc hợp tác giữa các nước. Khi an ninh không cao, các quốc gia sẽ quan tâm đến lợi ích tương đối hơn là lợi ích tuyệt đối.<sup>12</sup> Họ không quan tâm đến sự trao đổi, "liệu cả hai chúng ta có được lợi không", mà thay vào đó sẽ hỏi "ai có lợi nhiều hơn?"<sup>13</sup> Khi an ninh không cao, họ từ chối ngay cả sự hợp tác mang lại lợi ích kinh tế tuyệt đối, nếu quốc gia khác đạt được nhiều lợi ích hơn, vì lo sợ những nước khác có thể chuyển lợi ích này thành sức mạnh quân sự, và sau đó dùng chính sức mạnh này để chiến thắng bằng vũ lực.<sup>14</sup> Hợp tác sẽ dễ dàng hơn nhiều nếu các quốc gia chỉ quan tâm đến lợi ích tuyệt đối, và điều này dễ xảy ra hơn khi an ninh được đảm bảo. Khi đó, mục tiêu chỉ đơn giản là đảm bảo rằng toàn bộ chiếc bánh kinh tế đang ngày càng lớn hơn và mỗi quốc gia sẽ có ít nhất phần nào lợi ích trong đó. Tuy nhiên, tình trạng vô chính phủ chắc chắn khiến an ninh hiếm khi được đảm bảo; điều này sẽ làm gia tăng những lo ngại của các nước về lợi ích tương đối, khiến cho hợp tác khó khăn trừ khi lợi ích có thể được chia đều để phản ánh, và nhờ thế sẽ không gây nhiễu loạn, sự cân bằng quyền lực hiện tại.

Ngược lại với quan điểm này, những người theo chủ nghĩa tự do kinh tế nhìn chung giả định rằng các quốc gia ít lo ngại về lợi ích tương đối khi xây dựng nên những thỏa thuận hợp tác, nhưng thay vào đó sẽ chủ yếu quan tâm đến lợi ích tuyệt đối. Giả định này là cơ sở cho sự lạc quan của họ về viễn cảnh hợp tác quốc tế. Tuy vậy, giả định này không chắc chắn: tình trạng vô chính phủ buộc các quốc

---

<sup>12</sup> Xem Joseph M. Grieco, "Anarchy and the Limits of Cooperation: A Realist Critique of the Newest Liberal Institutionalism," *International Organization*, Vol. 42, No. 3 (Summer 1988), trang 485-507; và Grieco, *Cooperation among Nations: Europe, America and Non-Tariff Barriers to Trade* (Ithaca: Cornell University Press, 1990).

<sup>13</sup> Waltz, *Theory of International Politics*, trang 105.

<sup>14</sup> Cần nhấn mạnh rằng do một phần quan trọng của sức mạnh quân sự là chức năng của sức mạnh kinh tế, những hậu quả của mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia đôi khi có những ý nghĩa an ninh quan trọng.

gia phải từ chối những thỏa thuận dẫn đến kết quả bất tương xứng sẽ hưởng sự cân bằng quyền lực chống lại những quốc gia này.

Thứ hai, sự phụ thuộc lẫn nhau cũng có khả năng dẫn đến xung đột như sự hợp tác, vì các quốc gia sẽ đấu tranh để thoát khỏi tình trạng dễ bị tổn thương do sự lệ thuộc này gây ra, nhằm củng cố cho an ninh quốc gia của mình. Các nước phụ thuộc vào nước khác như là nguồn cung kinh tế chủ chốt sẽ sợ bị cắt bỏ hoặc đe dọa khi xảy ra khủng hoảng hoặc chiến tranh; họ có thể cố mở rộng khả năng kiểm soát chính trị tới các nguồn cung, khiến cho mâu thuẫn với nguồn cung hoặc với những khách hàng khác gia tăng. Sự phụ thuộc lẫn nhau, nói cách khác, có thể rất dễ đưa đến tình trạng cạnh tranh nhiều hơn nữa, chứ không phải là hợp tác.<sup>15</sup>

Một số lưu ý khác, không liên quan đến hậu quả của tình trạng vô chính phủ, cũng làm dấy lên nghi ngờ về lập luận của những người ủng hộ chủ nghĩa tự do kinh tế.

Đầu tiên, những tương tác kinh tế giữa các quốc gia thường gây ra va chạm nghiêm trọng, ngay cả khi kết quả chung là tích cực. Lúc nào cũng sẽ có người thắng kẻ bại trong mỗi quốc gia, và kẻ bại hiếm khi nào dễ dàng chấp nhận thất bại. Trong các quốc gia hiện đại, lãnh đạo phải quan tâm đến những người bỏ phiếu cho họ, và kẻ thua thường gây ra rắc rối lớn. Thậm chí trong những trường hợp chỉ có kẻ thắng, thỉnh thoảng vẫn xảy ra tranh cãi quanh việc phân chia chiến lợi phẩm. Theo nghĩa nào đó, việc mở rộng quan hệ giữa các nước sau đó sẽ làm tăng phạm vi những bất đồng quốc tế giữa họ. Họ sẽ có thêm nhiều vấn đề để tranh cãi.

Thứ hai, sẽ có khả năng dẫn đến đe dọa hoặc chính sách "bên miệng hố chiến tranh" trong hệ thống kinh tế cực kỳ năng động, nơi các quốc gia đều phụ thuộc lẫn nhau. Ví dụ, dù các quốc gia đều dễ bị tổn thương nhưng mức độ lệ

---

<sup>15</sup> Có nhiều ví dụ trong các ghi chép lịch sử về những quốc gia dễ bị tấn công luôn theo đuổi những chính sách quân sự hung hăng nhằm mục tiêu đạt được khả năng tự cung tự cấp. Ví dụ, mô hình hành vi này được thể hiện rõ nhất ở động thái của hai quốc gia Đức và Nhật trong suốt thời kỳ giữa hai cuộc chiến. Về Nhật, xem Michael A. Barnhart, *Japan Prepares for Total War: The Search for Economic Security, 1919-1941* (Ithaca: Cornell University Press, 1987); và James B. Crowley, *Japan's Quest for Autonomy* (Princeton: Princeton University Press, 1966). Về Đức, xem William Carr, *Arms, Autarky and Aggression: A Study in German Foreign Policy, 1933-39* (New York: Norton, 1973). Cũng cần lưu ý rằng trong suốt thời kỳ cấm vận dầu mỏ Ả Rập ở đầu thập niên 70, khi rõ ràng là nước Mỹ trở nên yếu đuối trước sức ép từ OPEC, có rất nhiều cuộc đối thoại ở Mỹ về vấn đề sử dụng sức mạnh quân sự để chiếm giữ những mỏ dầu ở Ả Rập. Xem Robert W. Tucker, "Oil: The Issue of American Intervention," *Commentary*, January 1975, trang 21-31; Miles Ignatus [được biết đến là một bút danh của Edward Luttwak], "Seizing Arab Oil," *Harpers*, March 1975, trang 45-62; và U.S. Congress, House Committee on International Relations, *Report on Oil Fields as Military Objectives: A Feasibility Study*, được soạn bởi John M. Collins và Clyde R. Mark, 94th Cong., 1st sess. (Washington, D.C.: U.S. Government Printing Office [U.S. GPO], August 21, 1975).



thuộc thực tế sẽ không đồng đều. Những nước ít khả năng bị tổn thương hơn sẽ có ưu thế trong thương lượng so với các nước bị phụ thuộc nhiều và có thể ép buộc các nước này nhượng bộ quá mức. Hơn nữa, không đề cập đến cá nhân lãnh đạo, các hệ thống chính trị khác nhau sẽ có khả năng tham gia những tình huống đàm phán khó khăn khác nhau.

**HỒ SƠ LỊCH SỬ.** Trong suốt hai giai đoạn của thế kỷ 20, Châu Âu đã chứng kiến một trật tự kinh tế tự do với mức độ phụ thuộc lẫn nhau cao. Đáng ra theo chủ nghĩa tự do kinh tế thì những giai đoạn này phải ổn định.

Trường hợp đầu tiên rõ ràng là mâu thuẫn với lý thuyết này. Những năm từ 1890 đến 1914 có lẽ là giai đoạn có mức độ phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế cao nhất trong lịch sử Châu Âu. Song Chiến tranh thế giới thứ nhất đã nổ ra trong giai đoạn này.<sup>16</sup>

Trường hợp thứ hai xảy ra trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Trong suốt giai đoạn này, các nước trong Cộng đồng Châu Âu phụ thuộc lẫn nhau rất nhiều, trong khi mối quan hệ giữa họ lại rất hòa bình. Không ngạc nhiên gì khi trường hợp này được lấy làm nền tảng của những lập luận của chủ nghĩa tự do kinh tế.

Tuy nhiên, mối tương quan trong trường hợp thứ hai không có nghĩa là sự phụ thuộc lẫn nhau đã tạo nên quan hệ hợp tác giữa các nền dân chủ phương Tây. Có thể nguyên nhân quan trọng nhất chính là Chiến tranh Lạnh, và đó cũng là lý do chính khiến quan hệ giữa các nước trong Cộng đồng Châu Âu phát triển.<sup>17</sup> Chiến tranh Lạnh mang lại các kết quả này theo hai cách thức khác nhau nhưng lại củng cố cho nhau.

Cách thứ nhất là logic cân bằng quyền lực kiểu cũ đã tạo ra sự hợp tác giữa các nước dân chủ phương Tây. Một Liên Xô mạnh mẽ và tiềm ẩn nguy hiểm đã buộc những nước dân chủ phương Tây liên kết với nhau để đối phó với mối hiểm họa chung. Anh, Đức và Pháp không còn lo ngại nhau nữa vì tất cả phải đối mặt với mối đe dọa lớn hơn từ Liên Xô. Mối đe dọa này đã dập tắt những lo ngại về lợi ích tương đối phát sinh từ sự hợp tác kinh tế giữa các nước trong Cộng đồng Châu Âu bằng việc cho mỗi quốc gia dân chủ phương Tây thấy lợi ích từ sự phát triển lớn

---

<sup>16</sup> Xem Richard N. Rosecrance, et al., "Whither Interdependence?" *International Organization*, Vol. 31, No. 3 (Summer 1977), trang 432-434.

<sup>17</sup> Chủ đề này được thể hiện trong Barry Buzan, "Economic Structure and International Security: The Limits of the Liberal Case," *International Organization*, Vol. 38, No. 4 (Autumn 1984), trang 597-624; Robert Gilpin, *U.S. Power and the Multinational Corporation: The Political Economy of Foreign Direct Investment* (New York: Basic Books, 1975); và Robert A. Pollard, *Economic Security and the Origins of the Cold War, 1945-1950* (New York: Columbia University Press, 1985)

mạnh hơn của các đồng minh, vì sức mạnh tăng thêm này có thể giúp răn đe Liên Xô. Mỗi đe dọa từ Liên Xô cũng dập tắt những nỗi lo sợ về lợi ích tương đối giữa các quốc gia Tây Âu bằng cách tạo cho họ động lực mạnh mẽ để tránh xung đột lẫn nhau trong khi Liên Xô dần tiến về phía đông, sẵn sàng thu nhặt lợi ích từ những tranh cãi của các nước Tây Âu. Điều này tạo niềm tin to lớn cho các nước phương Tây rằng những đồng minh Tây Âu của họ sẽ không dùng lợi ích chống lại họ, miễn là các nước đồng minh này còn hành xử lý trí.

Thứ hai, vị trí bá chủ của Mỹ trong NATO, phiên bản quân sự của Cộng đồng Châu Âu, đã giúp giảm đi những ảnh hưởng của tình trạng vô chính phủ tại các nước dân chủ phương Tây, tạo điều kiện cho sự hợp tác giữa các nước này.<sup>18</sup> Như đã nhấn mạnh, trong tình trạng vô chính phủ, các nước không tin tưởng lẫn nhau và họ có động cơ để gây hấn với nhau. Tuy nhiên Mỹ không chỉ bảo vệ các nước trước mỗi đe dọa của Liên Xô mà còn đảm bảo rằng không một quốc gia thuộc EC nào sẽ xâm lược nước khác. Ví dụ, Pháp không phải sợ Đức khi nước này tái vũ trang vì sự hiện diện của Mỹ ở Đức có nghĩa là người Đức sẽ không được tự do tấn công bất kỳ ai. Vì Mỹ thể hiện vai trò như một người gác đêm, những lo ngại về lợi ích tương đối giữa các quốc gia Tây Âu sẽ được giảm bớt, hơn nữa, những nước này sẵn lòng cho phép nền kinh tế của mình lệ thuộc lẫn nhau chặt chẽ.

Trên thực tế, mối quan hệ giữa các nước trong EC không cần đến tác động của tình trạng vô chính phủ - nỗi sợ về lợi ích tương đối và nỗi ám ảnh về quyền tự trị - vì Mỹ đóng vai trò của người phân xử cuối cùng trong phe Đồng Minh.

Nếu mỗi đe dọa hiện tại từ Liên Xô đối với Tây Âu được dỡ bỏ và Mỹ rút quân về thì mối quan hệ giữa các quốc gia trong EC về cơ bản sẽ thay đổi. Không có mỗi đe dọa chung từ Liên Xô và vai trò người gác đêm của Mỹ, các quốc gia Tây Âu sẽ nhìn nhau với thái độ e sợ và nghi ngờ, như họ đã làm thế từ bao thế kỷ nay trước khi Chiến tranh Lạnh bắt đầu. Hậu quả là họ sẽ lo ngại về sự mất cân bằng lợi ích cũng như mất quyền tự trị do sự hợp tác giữa các nước gây ra.<sup>19</sup> Sự hợp tác trong trật tự mới này sẽ khó khăn hơn so với trong thời Chiến tranh Lạnh. Xung đột cũng có khả năng như thế.

---

<sup>18</sup> Xem Josef Joffe, "Europe's American Pacifier," *Foreign Policy*, No. 54 (Spring 1984), trang 64-82.

<sup>19</sup> Ví dụ, hãy xem xét một tình huống trong đó Cộng đồng Châu Âu được mở rộng thành công, bao gồm các nước Đông Âu và Liên Xô, và trong suốt thời gian đó tất cả các nước đều có được sự thịnh vượng. Tuy nhiên, Đức phát triển hơn hẳn so với các nước khác. Do đó vị trí quyền lực tương đối của họ vốn dĩ đã khá mạnh, bắt đầu cải thiện rõ rệt. Có thể là Pháp và Liên Xô, ví dụ là vậy, sẽ lo ngại sâu sắc trước tình huống này.

Tóm lại, có nhiều lý do có cơ sở để hoài nghi lập luận cho rằng hòa bình có thể được duy trì ở một Châu Âu đa cực trên cơ sở một Cộng đồng Châu Âu mạnh hơn.

### ***Các nền dân chủ yêu hòa bình***

Lý thuyết về các nền dân chủ yêu chuộng hòa bình cho rằng những yếu tố chính trị trong nước, chứ không phải là những tính toán về sức mạnh quân sự hay hệ thống kinh tế quốc tế, là yếu tố chính quyết định nền hòa bình. Cụ thể, lập luận này cho rằng sự hiện diện của những nước dân chủ tự do trong hệ thống quốc tế sẽ giúp tạo ra một trật tự ổn định.<sup>20</sup> Lập luận này không cho rằng các nền dân chủ ít khi tham chiến hơn các quốc gia độc tài. Trên thực tế, những ghi chép lịch sử đã chỉ rõ rằng không phải như vậy.<sup>21</sup> Thay vào đó, lập luận này cho rằng các nước dân chủ sẽ không gây chiến chống lại các nước dân chủ khác. Do vậy, dân chủ phải được phổ biến khắp Đông Âu và Liên Xô để đảm bảo cho hòa bình ở Châu Âu thời hậu Chiến tranh Lạnh.

Không chắc rằng chế độ dân chủ sẽ bén rễ ở các quốc gia Đông Âu hay ở Liên Xô. Các nước này thiếu một truyền thống dân chủ mạnh mẽ; và những thể chế có thể thích nghi với sự phát triển của nền dân chủ sẽ phải được xây dựng từ con số không. Nhiệm vụ này có thể sẽ rất khó khăn, đặc biệt là ở một Châu Âu bất ổn. Nhưng việc chế độ dân chủ bén rễ ở phương Đông không quan trọng lắm đối với nền sự ổn định ở Châu Âu, vì lý thuyết các nền dân chủ yêu chuộng hòa bình là vô căn cứ.

---

<sup>20</sup> Lý thuyết này vừa được trình bày trong ba bài viết của Michael Doyle: "Liberalism and World Politics," *American Political Science Review*, Vol. 80, No. 4 (December 1986), trang 1151-1169; "Kant, Liberal Legacies, and Foreign Affairs," *Philosophy and Public Affairs*, Vol. 12, No. 3 (Summer 1983), trang 205-235; và "Kant, Liberal Legacies, and Foreign Affairs, Part 2," *Philosophy and Public Affairs*, Vol. 12, No. 4 (Fall 1983), trang 323-353. Doyle chịu ảnh hưởng rất nhiều từ những tác phẩm kinh điển của Immanuel Hant về đề tài này. Lý thuyết này cũng là cơ sở của lập luận trọng tâm trong bài tiểu luận được phát hành rộng rãi của Francis Fukuyama tên là "The End of History?" in *The National Interest*, No. 16 (Summer 1989), trang 3-18. Xem bài phê bình xuất sắc về lý thuyết này của Samuel P. Huntington, "No Exit: The Errors of Endism," *The National Interest*, No. 17 (Fall 1989), trang 3-11.

<sup>21</sup> Có một bộ phận nghiên cứu thực nghiệm rất hay về mối quan hệ giữa dân chủ và chiến tranh. Ví dụ có thể xem Steve Chan, "Mirror, Mirror on the Wall . . . Are the Freer Countries More Pacific?" *Journal of Conflict Resolution*, Vol. 28, No. 4 (December 1984), trang 617-648; Erich Weede, "Democracy and War Involvement," in *ibid.*, trang 649-664; Bruce M. Russett and R. Joseph Monsen, "Bureaucracy and Polyarchy As Predictors of Performance," *Comparative Political Studies*, Vol. 8, No. 1 (April 1975), trang 5-31; và Melvin Small và J. David Singer, "The War-Proneness of Democratic Regimes, 1816-1965," *The Jerusalem Journal of International Relations*, Vol. 1, No. 4 (Summer 1976), trang 50-69.

LOGIC CỦA LÝ THUYẾT NÀY. Hai lý giải dưới đây được dùng để giải thích cho lập luận rằng các nước dân chủ không gây chiến với nhau.

Đầu tiên, một số ý kiến cho rằng các lãnh đạo độc tài có xu hướng hiếu chiến hơn các nhà lãnh đạo dân chủ, vì lãnh đạo độc tài không phải chịu trách nhiệm trước người dân, điều này sẽ trở thành gánh nặng chính trong chiến tranh. Ngược lại, trong chế độ dân chủ, công dân phải trả giá cho chiến tranh nên họ sẽ có tiếng nói lớn hơn trong quá trình đưa ra quyết định. Người dân, theo như lập luận này, sẽ do dự hơn khi quyết định tham chiến vì điều đó có nghĩa là họ phải trả giá bằng máu của mình; do đó quyền lực của họ càng lớn, chiến tranh càng ít xảy ra.

Lý lẽ thứ hai dựa trên lập luận cho rằng công dân của những nước tự do dân chủ tôn trọng các quyền dân chủ phổ biến – các quyền của những người đồng hương của họ, và các quyền của những cá nhân tại các nước khác. Kết quả là họ không sẵn lòng tiến hành chiến tranh chống lại những nước dân chủ khác, vì họ nhìn chính quyền dân chủ như một thể chế chính đáng hơn so với những chính quyền khác và miễn cưỡng dùng vũ lực để áp đặt một chế độ nước ngoài lên một quốc gia dân chủ. Điều này sẽ vi phạm những nguyên tắc và giá trị dân chủ của chính họ. Do vậy việc ngăn chặn chiến tranh luôn được đưa ra khi hai quốc gia dân chủ đối đầu với nhau, điều này đang dần biến mất trong những mối quan hệ quốc tế khác.

Lập luận đầu tiên không hoàn thiện vì không thể lập luận rằng người dân ở một nước dân chủ đặc biệt nhạy cảm với chi phí chiến tranh và do đó sẽ ít sẵn lòng chiến đấu hơn so với các nhà độc tài. Thực sự là những ghi chép lịch sử cho thấy các nước dân chủ sẵn sàng tham chiến không kém gì các quốc gia độc tài.

Hơn nữa, quảng đại quần chúng, dù cho có thuộc nhà nước dân chủ hay không, có thể bị ảnh hưởng sâu sắc bởi tôn giáo hoặc chủ nghĩa dân tộc, khiến họ thiên về ủng hộ xâm lược, bất kể cái giá phải trả. Sự ủng hộ của toàn dân trong thời kỳ hậu Cách mạng Pháp đối với những cuộc chiếm xâm lược của Napoleon chỉ là một ví dụ cho hiện tượng này. Mặt khác, các nhà độc tài cũng sợ chiến tranh như công chúng các nước dân chủ vì chiến tranh có xu hướng giải phóng các lực lượng dân chủ có thể làm suy yếu chế độ.<sup>22</sup> Chiến tranh có thể buộc các nhà độc tài gánh chịu chi phí cao cũng như toàn thể công dân của họ.

---

<sup>22</sup> Ví dụ xem thêm Stanislav Andieski, "On the Peaceful Disposition of Military Dictatorships," *Journal of Strategic Studies*, Vol. 3, No. 3 (December 1980), trang 3-10.

Lập luận thứ hai nhấn mạnh vào sự tôn trọng xuyên quốc gia đối với những quyền lợi dân chủ ở các nước dân chủ. Lập luận này dựa trên một nhân tố yếu hơn thường bị che khuất bởi các nhân tố khác như chủ nghĩa dân tộc và trào lưu tôn giáo chính thống. Cũng có một vấn đề khác đối với lập luận này. Luôn tồn tại khả năng là một nước dân chủ sẽ trở lại là một nhà nước độc tài. Nguy cơ thụt lùi này có nghĩa là một nước dân chủ có thể không bao giờ chắc chắn được rằng một nước dân chủ khác sẽ không thay đổi và quay sang tấn công mình trong tương lai. Các nước tự do dân chủ do đó phải lo lắng về sức mạnh tương đối giữa chính họ, điều này giống như nói rằng mỗi nước đều có động cơ xem xét đến việc tấn công chống lại nước khác nhằm ngăn chặn vấn đề trong tương lai. Đáng thương hơn, nền tự do dân chủ thậm chí không thể vượt trội hơn tình trạng vô chính phủ.

HỒ SƠ LỊCH SỬ. Ngoài những vấn đề với logic suy diễn, những ghi chép lịch sử dường như thể hiện sự ủng hộ mạnh mẽ đối với lý thuyết các nền dân chủ yêu hòa bình. Dường như không có những trường hợp trong đó các nước tự do dân chủ đấu tranh chống lại nhau. Dù bằng chứng này nhìn qua rất ấn tượng, nhưng xem xét kỹ hơn sẽ thấy nó không rõ ràng cho lắm. Thực tế là lịch sử không có những thử nghiệm rõ ràng cho lý thuyết này. Bốn vấn đề dựa trên bằng chứng khiến lý thuyết này bị nghi ngờ.

Đầu tiên, những nước dân chủ chỉ chiếm số ít trong hơn hai thế kỷ qua, và như thế sẽ có ít trường hợp trong đó hai nước bị đặt vào tình trạng chiến tranh với nhau. Chỉ có ba trường hợp nổi bật thường được trích dẫn: Anh và Mỹ (1832 – nay); Anh và Pháp (1832 – 1849, 1871 – 1940); và những quốc gia dân chủ phương Tây từ 1945.

Thứ hai, có vài lý giải thuyết phục khác cho thấy vì sao chiến tranh không xảy ra ở những trường hợp này, và những lý giải cạnh tranh này phải bị loại trừ trước khi lý thuyết các nền dân chủ yêu hòa bình có thể được chấp nhận. Trong khi mối quan hệ giữa Anh và Mỹ trong suốt thế kỷ 19 hiếm khi không có xung đột,<sup>23</sup> quan hệ của họ trong thế kỷ 20 khá hòa thuận, do đó điều này phù hợp chặt chẽ với cách mà lý thuyết này kỳ vọng hai nước dân chủ sẽ ứng xử với nhau. Tuy nhiên, sự hòa thuận này có thể được dễ dàng lý giải bởi sự hiện diện của một mối đe dọa

---

<sup>23</sup> Về mối quan hệ thù địch tồn tại giữa Mỹ và Anh trong suốt thế kỷ 19, xem H.C. Allen, *Great Britain and the United States: A History of Anglo-American Relations, 1783-1952* (London: Odhams, 1954).

chung buộc Anh và Mỹ phải hợp tác chặt chẽ với nhau.<sup>24</sup> Cả hai đều phải đối mặt với mối đe dọa từ Đức trong thời gian đầu của thế kỷ, và sau đó là Liên Xô. Lập luận căn bản tương tự cũng được ứng dụng cho Pháp và Anh. Trong khi quan hệ Pháp – Anh không trong tình trạng tốt nhất gần suốt thế kỷ 19,<sup>25</sup> nó cũng được cải thiện đáng kể vào thời điểm chuyển giao sang thế kỷ mới vì sự nổi lên của mối đe dọa chung: nước Đức.<sup>26</sup> Cuối cùng, như đã nói ở trên, mối đe dọa từ Liên Xô có thể giải thích cho sự vắng mặt của chiến tranh ở các nước dân chủ phương Tây từ năm 1945.

Thứ ba, cần nhớ rằng vài quốc gia dân chủ đã tiến gần đến giới hạn chiến tranh với nhau, điều này ám chỉ rằng sự vắng mặt của chiến tranh có thể chỉ đơn giản là do may rủi. Giữa Pháp và Anh đã gần xảy ra chiến tranh trong suốt cuộc khủng hoảng Fashoda năm 1898. Rất có thể đã xảy ra chiến tranh giữa Pháp và Đức dưới thời Công hòa Weimar để giành lấy Rhineland trong suốt những năm 1920 nếu như nước Đức sở hữu sức mạnh quân sự đủ để thách thức Pháp. Mỹ đã đụng độ với nhiều chính phủ được bầu ra ở Thế giới thứ ba trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, bao gồm cả chế độ Allende ở Chile và chế độ Arbenz ở Guatemala.

Cuối cùng, vài học giả xếp nước Đức dưới thời Wilhem là một nước dân chủ, hoặc ít nhất là bán dân chủ; nếu vậy thì Chiến tranh thế giới thứ nhất sẽ trở thành một cuộc chiến giữa các quốc gia dân chủ.<sup>27</sup>

---

<sup>24</sup> Về về việc nối lại mối quan hệ hữu nghị này, xem Stephen R. Rock, *Why Peace Breaks Out: Great Power Rapprochement in Historical Perspective* (Chapel Hill: University of North Carolina Press, 1989), chap. 2.

<sup>25</sup> Về quan hệ Pháp – Anh suốt thế kỷ 19, xem P.J.V. Rolo, *Entente Cordiale: The Origins and Negotiation of the Anglo-French Agreements of 8 April 1904* (New York: St. Martins, 1969), trang. 16-109.

<sup>26</sup> Stephen Rock đã nghiên cứu sự hòa giải của Anh và Pháp và cho rằng động lực chính đằng sau mối quan hệ tốt hơn của họ xuất phát từ những cân nhắc về mặt địa chính trị, chứ không phải niềm tin chính trị chung. Xem Rock, *Why Peace Breaks Out*, chap. 4.

<sup>27</sup> Doyle nhận thức rõ về vấn đề này và do vậy có một chú thích dài thể hiện nỗ lực giải quyết vấn đề đó. Xem "Kant, Liberal Legacies, and Foreign Affairs [Part One]," pp. 216-217, n. 8. Ông chứng minh rằng "Đức đã là một nước tự do về mặt pháp công hòa để giải quyết các vấn đề đối nội," nhưng "vai trò thiết thực của hoàng đế trong những vấn đề ngoại giao...khiến đế quốc Đức trở thành một quốc gia tách ra khỏi khả năng kiểm soát của dân chúng trong những vấn đề đối ngoại." Tuy nhiên, nghiên cứu về quá trình đưa ra quyết định đi đến Chiến tranh thế giới thứ nhất tiết lộ rằng Hoàng đế (Wilhem II) không phải là động lực chính trong những vấn đề đối ngoại và ông cũng không chiểu chiến hơn các thành viên khác trong giới lãnh đạo Đức, gồm cả quan chức dân sự hàng đầu, Thủ tướng Bethmann – Hollweg.

## Kết luận

Bài viết này chứng minh rằng hệ thống hai cực, sự cân bằng quân sự và vũ khí hạt nhân đã thúc đẩy nền hòa bình ở Châu Âu trong hơn 45 năm qua. Cuộc đối đầu trong Chiến tranh Lạnh đã gây nên hiện tượng này; do vậy, Chiến tranh Lạnh có vai trò chính trong việc chuyển đổi một khu vực với lịch sử bạo động thành một nơi rất hòa bình.

Không nghi ngờ gì chi phí của Chiến tranh Lạnh là rất lớn. Nó áp đặt chế độ chính trị áp bức lên người dân Đông Âu, những con người bị từ chối nhân quyền cơ bản do tư cách thành viên bắt buộc trong đế chế Xô viết. Điều này làm hao mòn tài sản quốc gia, bằng cách gia tăng cơ sở quốc phòng quy mô hơn và tốn kém hơn ở cả phía Đông và phía Tây. Nó sinh ra những cuộc xung đột đẫm máu ở Thế giới thứ ba, gây ra số lượng thương vong khiêm tốn cho các siêu cường, nhưng lại rất lớn đối với các nước Thế giới thứ ba. Tuy nhiên, chi phí kinh tế và nhân lực ròng của trật tự Chiến tranh Lạnh thấp hơn nhiều so với chi phí của trật tự Châu Âu trong những năm 1900 – 1945, với những đau khổ và bạo lực mức độ cao.

Trật tự Chiến tranh Lạnh không có đối đầu được ưa thích hơn trật tự đã phát triển trên thực tế; khi đó hòa bình do trật tự Chiến tranh Lạnh sinh ra sẽ tồn tại mà không cần những chi phí kèm theo nó. Tuy nhiên, chính sự thù địch giữa Đông và Tây đã sản sinh ra trật tự Chiến tranh Lạnh; sẽ không có trật tự hai cực, không có sự cân bằng, không có lực lượng hạt nhân lớn của Mỹ và Liên Xô ở Châu Âu nếu không có điều này. Chi phí của Chiến tranh Lạnh phát sinh từ nguyên nhân tương tự - sự đối đầu Đông – Tây – cũng như những lợi ích của chúng. Mặt tốt và mặt xấu luôn luôn song hành.

Thêm nữa, bài viết này chứng tỏ sự sụp đổ của trật tự Chiến tranh Lạnh có thể tạo thêm cơ hội cho chiến tranh và những cuộc khủng hoảng nghiêm trọng xảy ra ở Châu Âu. Nhiều nhà quan sát hiện nay cho rằng kỷ nguyên hòa bình mới đang hé rạng; thực tế thì điều ngược lại mới thật sự xảy ra.

Những ẩn ý trong phân tích của tôi rất đơn giản, nhưng lại nghịch lý. Phương Tây quan tâm đến việc gìn giữ hòa bình ở Châu Âu. Do đó họ có lợi ích trong việc duy trì trật tự Chiến tranh Lạnh, và như vậy cũng có lợi ích trong việc duy trì tình trạng đối đầu trong Chiến tranh Lạnh; những tiến triển đe dọa kết thúc tình trạng này là điều nguy hiểm. Sự thù địch trong Chiến tranh Lạnh sẽ có thể được tiếp tục duy trì ở mức độ căng thẳng Đông – Tây thấp hơn so với chính nó trong quá khứ; cho nên phương Tây sẽ không bị ảnh hưởng bởi sự căng thẳng Đông – Tây giảm đi, nhưng một kết thúc hoàn toàn cho Chiến tranh Lạnh sẽ gây nên nhiều vấn đề hơn là giải quyết chúng.

Tuy nhiên, số phận của Chiến tranh Lạnh chủ yếu nằm trong tay Liên Xô. Liên Xô là siêu cường duy nhất có thể đe dọa tàn phá Châu Âu; chính mối đe dọa Liên Xô này là chất keo dính gắn kết NATO lại với nhau. Khi mối đe dọa tấn công này được loại bỏ, có khả năng Mỹ sẽ bỏ rơi Lục địa, và sau đó liên minh phòng thủ mà Mỹ đứng đầu trong gần 40 năm có thể tan rã. Điều này sẽ chấm dứt trật tự hai cực vốn là đặc trưng của Châu Âu trong suốt 45 năm qua.

Phân tích trên đã chỉ ra phương Tây, rất ngược đời, lại quan tâm đến sự tiếp tục tồn tại của Liên bang Xô viết hùng mạnh với lực lượng quân sự đáng kể tại Đông Âu. Những lợi ích của Tây Âu đã hoàn toàn thay đổi từ những gì mà các lãnh đạo phương Tây nhìn thấy vào cuối thập niên 40: thay vì khiến sức mạnh của Liên Xô phải co lại, như họ đã làm trước đây, phương Tây hiện nên hy vọng rằng Liên Xô duy trì ít nhất là vài lực lượng quân sự tại Đông Âu.

Mỹ hay Tây Âu không thể làm gì nhiều và sẽ không làm gì nhiều để duy trì Chiến tranh Lạnh, vì ba lý do.

Đầu tiên, những cân nhắc chính trị trong nước sẽ ngăn cản cách tiếp cận đó. Các nhà lãnh đạo phương Tây rõ ràng không thể đặt nền tảng của chính sách an ninh quốc gia dựa trên nhu cầu duy trì lực lượng ở Trung Âu chỉ đơn giản vì mục đích giữ chân Liên Xô ở đó. Ý tưởng triển khai lực lượng hùng hậu để buộc Liên Xô tham gia vào cuộc cạnh tranh duy trì trật tự này sẽ bị coi là kỳ quặc và trái ngược với niềm tin chung cho rằng việc kết thúc Chiến tranh Lạnh và xóa bỏ gông xiềng của Liên Xô khỏi Đông Âu sẽ khiến thế giới an toàn và tốt đẹp hơn.<sup>28</sup>

Thứ hai, ý tưởng chống đỡ cho một đối thủ đang tuột dốc đi ngược lại với hành vi căn bản của một quốc gia. Các quốc gia chủ yếu lưu tâm nhiều đến vị trí quyền lực tương đối của mình trong hệ thống; do đó, họ tìm kiếm cơ hội lợi dụng lẫn nhau. Nếu bất cứ điều gì xảy ra, họ thích nhìn thấy kẻ thù của mình sụp đổ hơn, và do vậy sẽ làm bất cứ điều gì có thể nhằm đẩy nhanh quá trình đó và tối đa hóa khoảng cách của sự tuột dốc đó. Nói cách khác, các quốc gia không hỏi rằng sự phân chia quyền lực nào sẽ tạo điều kiện thuận lợi nhất cho ổn định và sau đó làm mọi điều có thể để xây dựng hoặc duy trì trật tự đó. Thay vào đó, mỗi quốc gia có xu hướng theo đuổi mục tiêu hạn hẹp hơn là tối đa hóa lợi thế quyền lực của

---

<sup>28</sup> Quan điểm này được minh họa bởi cuộc tranh luận năm 1976 về cái gọi là "Học thuyết Sonnenfeldt". Helmut Sonnenfeldt, cố vấn của Ngoại trưởng Mỹ Henry Kissinger, đã phát biểu vào cuối năm 1975 rằng nước Mỹ nên ủng hộ sự thống trị của Liên Xô ở Đông Âu. Trong cuộc tranh luận tiếp theo đó, rõ ràng là cho dù Sonnenfeldt có thực sự đã tuyên bố điều đó hay không thì cũng không chính quyền nào có thể công khai ủng hộ quan điểm đó. Xem U.S. Congress, House Committee on International Relations, *Hearings on United States National Security Policy Vis-a-vis Eastern Europe (The "Sonnenfeldt Doctrine")*, 94th Cong., 2nd sess. (Washington, D.C.: U.S. GPO, April 12, 1976)



mình so với những đối thủ tiềm năng. Trật tự thế giới chỉ đơn giản là sản phẩm phụ của cuộc cạnh tranh đó, điều này được minh họa bằng nguồn gốc của trật tự Chiến tranh Lạnh tại Châu Âu. Không quốc gia nào có chủ ý tạo ra nó. Thực tế là cả Mỹ và Liên Xô đều nỗ lực rất nhiều trong những năm đầu Chiến tranh Lạnh để làm suy yếu vị trí của nhau ở Châu Âu, điều này sẽ có thể kết thúc hệ thống hai cực ở Lục địa này. Hệ thống cân bằng rõ rệt nổi lên ở Châu Âu từ cuối thập niên 40 là hệ quả không dự tính trước của cuộc cạnh tranh căng thẳng giữa các siêu cường.

Thứ ba, ngay cả khi Mỹ và Tây Âu muốn giúp Liên Xô duy trì vị thế siêu cường, không chắc là họ có thể làm được điều đó. Liên Xô đang rời khỏi Đông Âu và cắt giảm phần lớn lực lượng quân sự của mình vì nền kinh tế của nước này đang bị sa lầy. Không rõ Liên Xô có biết cách ổn định lại nền kinh tế của mình không, và các chính phủ phương Tây khó có thể làm được điều gì để giúp Liên Xô giải quyết những vấn đề kinh tế của chính mình. Phương Tây nên tránh làm những việc tổn hại đến nền kinh tế Liên Xô, nhưng trong tình hình này, khó mà thấy được làm thế nào phương Tây có được ảnh hưởng tích cực quan trọng.<sup>29</sup>

Thực tế phương Tây không thể duy trì Chiến tranh Lạnh không có nghĩa là Mỹ nên từ bỏ mọi nỗ lực nhằm bảo vệ trật tự hiện tại. Mỹ nên làm những gì có thể để định hướng các sự kiện theo hướng ngăn chặn việc các siêu cường rút quân hoàn toàn khỏi Châu Âu. Ví dụ, vị trí thương thảo của Mỹ ở những cuộc đàm phán kiểm soát vũ khí thông thường nên hướng đến việc cùng cắt giảm ở mức độ lớn, nhưng không nên hướng đến việc rút quân hoàn toàn. Liên Xô có thể lựa chọn đơn phương rút toàn bộ quân đội; Mỹ không thể làm gì nhiều để ngăn chặn việc này.

### ***Khuyến nghị chính sách***

Nếu việc Liên Xô rút quân hoàn toàn khỏi Đông Âu là không thể tránh khỏi thì phương Tây sẽ phải đối diện với câu hỏi làm thế nào duy trì hòa bình ở một Châu Âu đa cực. Tôi đề xuất ba khuyến nghị chính sách như sau.

Đầu tiên, Mỹ nên ủng hộ quá trình phổ biến vũ khí hạt nhân hạn chế và được kiểm soát cẩn thận ở Châu Âu. Hy vọng lớn nhất tránh chiến tranh ở Châu Âu thời hậu Chiến tranh Lạnh là sự răn đe hạt nhân; do đó phổ biến vũ khí hạt nhân là cần thiết để bù đắp cho việc các kho vũ khí hạt nhân của Liên Xô và Mỹ được rút

---

<sup>29</sup> Xem một đánh giá lạc quan về việc làm thế nào phương Tây gia tăng triển vọng thành công của Gorbachev trong Jack Snyder, "International Leverage on Soviet Domestic Change," *World Politics*, Vol. 42, No. 1 (October 1989), trang 130.

khỏi Trung Âu. Lý tưởng là, như tôi đã lập luận, vũ khí hạt nhân nên được phổ biến tới Đức, chứ không đến những nước nào khác.

Thứ hai, Mỹ và Anh, cũng như các quốc gia Lục địa, sẽ phải cân bằng một cách tích cực và hiệu quả với bất kỳ kế hoạch nào nổi lên để giảm thiểu những vấn đề đe dọa và liên kết bè phái chắc chắn sẽ nổi lên ở Châu Âu trong thời hậu Chiến tranh Lạnh. Tuy nhiên, cân bằng trong một hệ thống đa cực luôn là một việc kéo theo nhiều vấn đề, do địa lý hoặc những rắc rối lớn trong phối hợp. Tuy nhiên, có thể tiến hành hai bước để tối đa hóa triển vọng cân bằng hiệu quả.

Biện pháp ban đầu liên quan đến Anh và Mỹ, hai quốc gia cân bằng triển vọng được tách rời Lục địa về mặt địa lý, nên có thể kết luận rằng họ ít có lợi ích đối với những gì đang xảy ra ở đó. Khi đó họ sẽ từ bỏ quên trách nhiệm của mình và quan trọng hơn là những lợi ích của họ với tư cách các nhân tố cân bằng từ bên ngoài. Thất bại của Anh và Mỹ trong việc cân bằng Đức trước hai cuộc Thế chiến đã khiến khả năng xảy ra chiến tranh cao hơn trong cả hai trường hợp. Vì hòa bình ở Châu Âu, họ nhất thiết không được lặp lại sai lầm cũ, mà thay vào đó phải tiếp tục tham gia tích cực vào việc duy trì sự cân bằng quyền lực ở Châu Âu.

Đặc biệt, cả hai nước phải duy trì lực lượng quân sự có thể triển khai ở Châu Âu nhằm cân bằng với những quốc gia đe dọa khai chiến. Để làm điều này, họ phải làm cho dân chúng ủng hộ chính sách duy trì cam kết với Lục địa. Việc huy động sự ủng hộ cho một cam kết như thế sẽ khó khăn hơn so với trong quá khứ, vì mục tiêu chính của nó sẽ là giữ gìn hòa bình hơn là ngăn chặn một nước bá quyền đang nổi lên, và mục tiêu sau sẽ dễ dàng giải thích công khai hơn. Hơn nữa, bản chất cơ bản của các quốc gia là tập trung tối đa hóa quyền lực tương đối, chứ không phải là củng cố ổn định, vì thế khuyến nghị này yêu cầu các nước phải đảm nhiệm một nhiệm vụ bất thường. Tuy nhiên những lợi ích của Anh và Mỹ trong việc duy trì hòa bình là thật, đặc biệt bởi nguy cơ chiến tranh Châu Âu có thể liên quan đến việc sử dụng vũ khí hạt nhân quy mô lớn là chắc chắn. Do vậy nên có thể các nước sẽ hướng người dân thừa nhận lợi ích này và ủng hộ những chính sách bảo vệ nó.<sup>30</sup>

Biện pháp thứ hai liên quan đến thái độ và hành động của Mỹ đối với Liên Xô. Liên Xô suy cho cùng có thể trở lại với chủ nghĩa bành trướng như trong quá khứ và đe dọa phá vỡ hiện trạng. Nếu vậy, chúng ta sẽ trở lại thời Chiến tranh Lạnh; phương Tây cần đáp trả nhanh chóng và hiệu quả như họ đã làm lần đầu tiên. Tuy nhiên, nếu Liên Xô theo đuổi các chính sách giữ nguyên hiện trạng thì sức mạnh của họ có thể đóng vai trò quan trọng trong việc cân bằng Đức và duy trì trật

---

<sup>30</sup> Người đề xuất lập luận này là Van Evera, "Why Europe Matters, Why the Third World Doesn't."

tự ở Đông Âu. Quan trọng là trong những trường hợp Liên Xô thực hiện hành động cân bằng, Mỹ nhận cần thấy điều đó, hợp tác với đối thủ trước đây của mình, và không để cho tàn dư của việc mất lòng tin từ thời Chiến tranh Lạnh can thiệp vào quá trình cân bằng lực lượng này.

Thứ ba, cần có một nỗ lực phối hợp để kiểm soát chủ nghĩa dân tộc quá khích, đặc biệt là ở Đông Âu. Lực lượng hùng mạnh này đã cắm rễ sâu ở Châu Âu và đã góp phần gây bùng nổ những xung đột ở Châu Âu trong quá khứ. Chủ nghĩa dân tộc đã bị kiềm chế trong suốt Chiến tranh Lạnh, nhưng có khả năng trỗi dậy nữa một khi các lực lượng Liên Xô và Mỹ rời khỏi trung tâm Châu Âu.<sup>31</sup> Nó sẽ là lực lượng tạo nên rắc rối trừ khi được kiềm chế. Việc giáo dục lịch sử quốc gia một cách trung thực là đặc biệt quan trọng, vì việc dạy sử dưới cái nhìn của chủ nghĩa Sô vanh sai lầm là phương tiện chính để phổ biến chủ nghĩa dân tộc nguy hiểm. Những quốc gia dạy lịch sử mang tư tưởng tự bào chữa hay tự ca ngợi mình một cách không trung thực nên bị phê bình và xử phạt công khai.<sup>32</sup>

Về điểm này, cần xử lý mối quan hệ giữa Đức và các nước láng giềng cần một cách đặc biệt cẩn trọng. Nhiều người Đức cảm thấy một cách chính đáng rằng Đức đã hành động rất trách nhiệm trong 45 năm, và đã thật sự nỗ lực ghi nhớ và bù đắp cho giai đoạn đen tối trong lịch sử nước mình. Do đó, người Đức nhanh chóng chán nản việc người nước ngoài yêu cầu họ xin lỗi lại vì những lỗi lầm phạm phải từ trước khi phần lớn người dân Đức hiện nay ra đời. Mặt khác, những người đã chịu đau khổ dưới bàn tay người Đức cũng không thể quên nỗi đau khủng khiếp này, và chắc chắn sẽ đòi đảm bảo một lần nữa là quá khứ sẽ không lặp lại. Bài đối thoại này có khả năng tăng lên thành những lời buộc tội lẫn nhau có thể khơi dậy cảm giác bị chèn ép của người Đức, và cùng với nó là sự hồi sinh của chủ nghĩa dân tộc Đức. Do đó nhiệm vụ của tất cả các bên trong vấn đề này là tiếp tục hiểu và tôn trọng cảm nhận cũng như trải nghiệm của những người khác. Đặc biệt, những nước khác không nên yêu cầu những người Đức ngày nay xin lỗi những tội ác mà họ không tham gia, nhưng người Đức phải hiểu rằng những yêu cầu tái đảm bảo không ngừng của những nước khác có nền tảng lịch sử hợp pháp, và nên xem xét những yêu cầu này với sự kiên nhẫn và thấu hiểu.

Không có nhiệm vụ nào để hoàn thành. Thực tế là tôi mong muốn phần lớn những khuyến nghị của mình sẽ không được làm theo; hầu hết đều trái ngược với những quan điểm chủ đạo tại Mỹ và châu Âu; cũng như bản chất cơ bản của hành

---

<sup>31</sup> Về những tiến triển của việc dạy lịch sử mang màu sắc chủ nghĩa dân tộc, xem Kennedy, "The Decline of Nationalistic History," and Dance, *History the Betrayer*.

<sup>32</sup> Suy nghĩ của tôi về vấn đề này bị ảnh hưởng bởi những cuộc nói chuyện với Stephen Van Evera.

vi quốc gia. Hơn nữa, thậm chí nếu các khuyến nghị này được thực hiện thì chúng cũng sẽ không đảm bảo cho hòa bình ở Châu Âu. Nếu Chiến tranh Lạnh thật sự trở thành quá khứ thì những thập niên tiếp theo sẽ khó có được sự ổn định như trong 45 năm qua.

----

## GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

### Mục đích

*Nghiencuuquocte.net* là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

### Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

### Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng ý của độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

### Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

### **Xuất bản các bài dịch đã được công bố**

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

### **Yêu cầu đối với bản dịch**

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.
- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com).

### **Thời hạn hoàn thành bản dịch**

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

### **Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net***

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

### **Bản quyền bài dịch**

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

### **Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net***

Việc đăng tải lại trên cách trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

**Miễn trừ trách nhiệm**

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

**Liên lạc**

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com).